

TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

Tăng Tường soạn tập

QUYỂN 8

X. BIÊN CHÉP CỨU KHỔ (Phần 2)

1. Sa-môn Huyền Tự
2. Thích Huệ Đạo
3. Thích Đàm Vận
4. Lệnh Cô Nguyên Quĩ
5. Nghiêm cung ở Tương Châu
6. Lý Di Long
7. Diêu Đãi ở Tử Châu
8. Lý Khâu Lệnh
9. Ni Sư Luyện Hạnh
10. Nghiêm Cung ở Dương châu
11. Kê Nam bất tín
12. Vị khách tăng đời Tùy
13. Vị Tăng trụ tại Đạo tràng Hà Tây ở Cô Sơn
14. Nhân Sĩ đời Bắc Tề
15. Thích Tu Đức ở Định Châu
16. Vua Thái tổ Cao Đế thời Nam Tề
17. Thiện tín nữ ở Tinh Châu
18. Thích Tuệ Diệu

1. Sa-môn Huyền Tự ở Tương Châu đời Tùy.

Sa-môn Huyền Tự chú trọng kinh Pháp Hoa, có thầy bạn cùng chung phòng là Sa-môn Thích Đạo Minh vốn họ Nguyên, là người Đồng duyên. Sư tuy còn trẻ nhưng chí khí cao thượng, có nhiều tài hay khéo, khổ tiết thiền tụng, nổi tiếng xa gần. Vào tháng 3 niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu (605) đời Tùy, ngài Đạo Minh thị tịch tại chùa đó.

Đến tháng 7 năm đó (605), Sư có duyên sự nên đi ngang một cách đồng hoang, trời đã xế chiều, bỗng gặp một ngôi chùa, liền đến đó

muốn nghỉ lại qua đêm. Vừa đến cửa, Sư liền thấy ngài Đạo Minh từ phía sau chùa đi ra, hình nghi nói năng chẳng khác lúc bình thường, bèn dẫn Sư đến phòng. Trong lòng Sư lấy làm lạ mà không dám hỏi. Đến gần sáng, ngài Đạo Minh bèn dậy, nói với Sư rằng: “Đây chẳng phải chỗ thường, Thượng nhân nên cẩn thận chớ thượng đường”. Đến lúc đánh chuông khuya dừng thượng đường. Đạo Minh nói xong, hình dung chợt, ngài Đạo Minh lại bảo với Sư không hứa thuận để trên phòng, mà thân hình đã chóng tiêu tụy, nhan sắc đổi khác. Sau khi ngài Đạo Minh đi rồi, Sư bèn thăm đến nơi trai đường, bên cạnh sau cửa sổ lên nhìn mọi sự ở đó, lễ Phật hành hương đều đứng như tảng pháp. Xưa trước cổng cao thê bày lăm tòa mà tại Duy-na xưởng thí cháo, liền thấy một người khiêng cháo đến, cháo được khiêng đến màu sắc đều như máu, người lo thức ăn khắp cùng đều thấy, khắp thân thể chừ tăng lửa đốt hừng hực mà chết ngất ngã xuống đất, chỉ trong khoảng bữa ăn, vị Duy-na lại thỉnh chúng tăng, đồng một lúc không còn tướng khổ. Sư kinh sợ về lại nơi phòng ở, chỉ chốc lát, ngài Đạo Minh về đến, hình dáng lại càng thêm tiêu tụy, Sư hỏi lý do, ngài Đạo Minh đáp: “Đây là địa ngục, khổ chẳng thể nói!”. Sư lại hỏi: “Vì sao bị tội khổ đến thế?”. Ngài Đạo Minh đáp: “Vì ngày trước lấy một bó củi của chúng Tăng dùng để xong nhuộm y mà quên không trả. Do đó, phải ở đây trải qua một năm chịu khổ đốt chân”. Ngài Đạo Minh bèn đưa tay vén y phục lên, từ đầu gối trở xuống đều bị cháy đen, do đó òa khóc mà nói rằng: “Thượng nhân từ bi, xin cứu độ cho!”. Ngài thở than nói với ngài Đạo Minh rằng: “Ông là người tinh luyện còn phải chịu như thế, huống chi bọn chúng tôi thì như thế nào, chẳng thể xét biết? Phải dùng cách gì để được thoát khỏi?”. Ngài Đạo Minh bảo: “Mua một trăm bó củi đền trả gấp bội, đây nơi nhà tăng và chép một bộ kinh Pháp Hoa”. Sư nói: “Tôi sẽ vì ông mà dốc hết của cải tôi có nội trong một ngày vì ông mà lo liệu, cầu mong ông sớm lìa được khổ ấy!” Do đó, bèn giã biệt. Sư liền trở về chùa, y như lời nói mà đáp trả, và chép kinh, xong rồi trở sang tìm, tự nhiên vắng bật không nhìn thấy gì. Đêm đó, Sư mộng thấy ngài Đạo Minh oai nghi khoan thai tự đến nói với Sư rằng: “Nhờ ân đức lớn của ông mà tôi được lìa khổ, sinh về Tịnh độ.”

2. Thích Huệ Đạo ở chùa Ngõa Quan, thời Tiên Tông:

Thích Huệ Đạo, là người xứ Dự châu, là em đồng mẹ với Sa-môn Tuệ Quả, Sư chẳng tu hạnh nghiệp, lại khéo dấy phản, thường ở trong kho của chúng tăng tự ăn dùng riêng, trông coi gấm lụa của chúng Tăng

thì lên trộm cắp. Về sau, bị bệnh chết, trên ngực còn ấm, ba ngày sau sống lại nói rằng: “Tôi bị Minh quan rượt đuổi đến chỗ đường tối sâu xa, giữa đường gặp một vị Sa-môn bảo với tôi rằng: “Ông không tin theo lời người anh, trộm dùng vật của chúng tăng. Nếu vua suy hỏi tội phước thì trả lời thế nào?”. Tôi hoàn toàn chẳng biết phải nói làm sao. Vị Sa-môn ấy lại bảo: Ông nên nói như vậy: “Trước tôi có nguyện tu tạo tám bộ kinh Pháp Hoa”, dạy lời ấy rồi liền biến mất. Tôi đã đến chỗ vua Diêm-la. Vua hỏi: “Ông tu công đức gì?”. Tôi đáp: “Tôi có phát nguyện tu tạo tám bộ kinh Pháp Hoa, nhưng vì lo việc của chúng tăng nên chưa hoàn thành điều nguyện”. Vua mỉm cười bảo: “Ông xưa tuy chẳng phát nguyện ấy, nay đã nói là nguyện, thì phải như điều phát nguyện mà thực hành. Trộm dùng vật của chúng tăng tội ấy rất nặng, tu tạo tám bộ kinh Pháp Hoa sẽ thoát khỏi tám địa ngục. Y cứ vào một lời nói ấy, nên thả người trở lại nhân gian. Phải trở lại nhân gian đúng như thật mà tu”. Và liền sai một vị quan chỉ bày đường trở về, nên tôi được sống lại”. Sư bèn xả thí y bát, mọi vật có được, tu tạo tám bộ kinh Pháp Hoa, các bộ kinh ấy đến nay hiện vẫn còn. (Tân Lục).

3. Thích Đàm Vận ở Định Châu:

Thích Đàm Vận, là người xứ Định Châu. Về sau, Sư dời đến ở Tháp Châu. Khi tuổi đã bảy mươi, gặp lúc cuối đời Tùy tan loạn, Sư bèn đến ẩn cư tại núi Tỷ-can ở Ly Thạch. Sư thường trì tụng kinh Pháp Hoa, muốn chép kinh ấy nhưng không có người đồng chí hướng. Trải qua nhiều năm như thế, bỗng nhiên có một thư sinh không biết từ đâu đến nói với Sư rằng: “Điều muốn nghiêm khiết thanh tịnh chép kinh đều có thể thực hành”. Vào một buổi sáng, sau khi tiểu thực xong, vào tắm gội, thay đổi y phục mới sạch, thọ tám pháp trai giới, vào nơi tịnh thất, miệng ngậm đàn hương, xông đốt hương thơm, treo cờ phướn, vắng lặng chép đến chiều mới ra. Ngày hôm sau cũng giống như thế, không hề than mỗi mệt. Đến lúc kinh chép đã hoàn tất, bèn đứng như pháp dâng cúng, Sư đến đưa ra cửa, chỉ trong chốc lát thì không thấy thư sinh ấy nữa. Cho đến phần trang hoàng, mỗi việc đều đúng như chánh pháp. Sư thọ trì, đọc tụng bộ kinh đó, dùng chiếc dây bảy lớp, kết mỗi lớp mỗi qua nước thơm rửa tay, như mới đầu không tạm phế bỏ, mộng thấy Bồ-tát Phổ Hiền hiện thân trước Sư mà dạy rằng: “Lành thay! Đúng như pháp chép kinh Pháp Hoa, ngay thân đời này lìa được hai mươi lăm thứ khổ”. Về sau, gặp phải giặc Hồ, Sư bèn dùng chiếc rương đựng đầy kinh đó, đặt trên đỉnh núi cao, trải qua năm sau, giặc tan, Sư mới

trở lại tìm kinh mà không thấy, buồn bã tìm kiếm cùng khắp, mới đến dưới hang núi tìm được kinh, rương khăn đều mục nát, bởi moi ra thấy kinh vẫn mới sạch như xưa. Mọi người nhìn thấy đều lấy làm lạ (Theo pháp Uyển nói niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Luật sư Đạo Tuyên chùa Tây Minh ở kinh đô có đến châu ấy, chính mắt trông thấy mà kể lại việc ấy).

4. Lệnh Cô Nguyên Quĩ ở Long Châu:

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ năm (631) thời Tiền Đường, có Lệnh Cô Nguyên Quĩ ở huyện Ba Tây ở Long Châu rất kính tin Phật pháp, muốn chép các kinh Pháp Hoa, Kim Cương, Bát-nhã, Niết-bàn, v.v... nhưng không do đâu mà xem xét, mới nhờ Thiền sư Thượng Kháng xem xét. Ngài Thượng Kháng mới làm tại chùa, đúng như pháp khiết tịnh chép xong, xuống theo thứ lớp về lại nơi trang sở ở Kỳ Châu. Lưu để tại trang sở cùng một cụ già và năm trăm đồng ở một nơi, bỗng nhiên lửa từ ngoài nổi dậy đốt cháy kéo đến phòng nhà ở trang sở lại bằng cỏ che phủ, động một lúc cháy lan tràn. Bấy giờ Nguyên Quĩ đang trấn nhậm bằng dục huyện lệnh, người nhà dốc mạng dập tắt lửa, lấy được kinh Kim Cang, pho bìa đã đánh văng ra ngoài lửa than, các kinh trong đó vẫn còn nguyên như cũ, màu sắc trang hoàng không biến đổi, chỉ có rương tráp cháy thành tro than. Lại tìm kiếm cụ già thì đã cháy theo lửa, bèn gom nhặt kinh. Mọi người trong xóm bèn khen và lấy làm lạ. Đề tựa kinh Kim Cang, Bát-nhã ấy bị cháy đen, hỏi về lý do thì mới đầu ghi đề kinh có Châu Quan là người có khả năng ghi chép. Người ấy ăn dùng tạp vật lại vội vàng chẳng giữ gìn khiết tịnh, ngay đó lập đề bèn bỏ đi, do đó nên bị đốt cháy. Người ấy, nay vẫn hiện còn và Thụy kinh ấy cũng còn ở kinh đô. Chủ chùa Tây Minh là Sa-môn Thần sát tự xem xét mà kể lại việc này (Việc này rút từ Tam Bảo Cảm Thông ký).

5. Nghiêm Cung ở Tương Châu:

Nghiêm Cung, người xứ Tương Châu. Trong niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, đến dưới thành quách dựng tinh xá để chép kinh Pháp Hoa, thanh tịnh cúng dường. Hoặc giấy hoặc bút đều dùng bằng tịnh tâm, chẳng thực hành luống dối, tín tâm mà cấp cho chẳng dùng, tìm kiếm liền được, bèn doanh tạo đúng như kinh pháp, cung cấp cho thư sinh hoan hỷ, thường có mười người Đạo tục đưa thẳng đến, Nghiêm Cung tự thân xem xét, chẳng hề nói là nhọc mệt. Từng có người đến vay mượn một muôn đồng để chép kinh, Nghiêm Cung

với việc chằng đặng đưng nên phải cho vay mượn. Người vay mượn có được tiền, để tiền dưới thuyền, thuyền bị chìm, tiền mất, người ấy còn được sống. Ngày đó, Nghiêm Cung vào kho tiền, thấy một vụn tiền bị nước thấm ướt, lấy làm lạ, sau khi nhìn kỹ là tiền người đã vay mượn, mới biết người đó bị đắm thuyền. Lại có thương nhân đến hồ quan đình, dâng vật cúng tế thần, đêm đó mộng thấy Thần bảo rằng: “Xin ông nên đem vật ấy đến dâng cho Nghiêm Cung, để dùng vào việc chép kinh Pháp Hoa”. Đến khi tỉnh giấc thấy các vật dâng cúng hiện để trước mặt mình. Lại nữa, Nghiêm Cung từng ra chợ mua giấy mà thiếu tiền, bỗng có một người mang đến hai ngàn đồng trao cho Nghiêm Cung mà nói rằng: “Xin giúp ông để mua giấy”. Nói xong, liền biến mất. Lại có Ngư nhân ban đêm thấy trên sông lửa rực, ánh lửa trôi nổi nên dùng thuyền đến đón rước, thì ra đó là Hộp đựng kinh. Đến lúc sáng sớm tìm xem mới thấy rõ là hộp đựng kinh của nhà Nghiêm Cung. Sau đó, Nghiêm Cung phát nguyện, lược như là: “Không một chữ nào mà chằng qua mất, không một chữ nào mà chằng dụng tâm”. Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, con cháu vẫn truyền trì hạnh nghiệp chép kinh. Ở quận, giặc cướp lan tràn, mà chằng vào thôn xóm ấy, nên người trong xóm ấy nhờ đó, mãi đến nay hành nghiệp xưa vẫn còn như vậy (Rút từ Nội Điển lục quyển 10).

6. Lý Di Long ở Tinh Châu:

Lý Di Long, người xứ Tinh Châu, gia đình vốn theo nghiệp viết chép, nối nhau nghiên cứu tinh vi. Cha của Di Long tên là Ô Long xem trọng về đạo kinh ở Trung Hoa, chằng tin kinh Phật, tánh tình đam mê ưa thích rượu thịt, phỉ báng kinh Phật, nói rằng: “Hồ Thánh cấm ngăn rượu thịt, đâu có từ bi”. Suốt trong một đời chằng chép kinh Phật, nếu có người đem tặng các món tài lợi như vàng ngọc, đều chằng thấy kinh, hưởng chi là tự chép, bèn phát cuồng loạn, bảo với Di Long rằng: “Nếu người là con ta thì không được tin theo Phật, tin mà trái phạm thì tai họa chằng phải nhỏ”, liền ói máu mà chết.

Sau đó, Tinh Châu Tư mã phát tâm tinh thuần vững chắc, riêng coi trọng kinh Pháp Hoa, đúng như pháp muốn chép kinh ấy mà không thể chép, có người đồng chí nguyện nói rằng: “Con của Ô Long là Di Long nối tiếp sự nghiệp có tài ghi chép, nhưng gia đình ấy tà kiến chằng chép kinh Phật. Oai lực của ông có thể hàng phục tà tâm ấy, có thể kham nhận chép kinh Phật”. Tư Mã bèn dùng phương tiện để điều phục, nhưng Di Long chằng sửa đổi, tự xưng là gia truyền cố lánh xa. Tư

Mã lại thuê các thư sinh khác tạo một bộ kinh hoàn tất, hoặc giấy hoặc bút đều dùng tâm thanh tịnh tự xuất ra vật báu đúng như pháp mà doanh tạo, muốn được cúng dường thanh tịnh. Lại nghĩ rằng: “Ta đã làm chủ châu này, chẳng lẽ Di Long không chịu nghe lời hay sao?”. Nên dùng lời hình phạt mà ép ngặt, đem vàng ngọc để mua chuộc. Di Long bèn lập đề mục, hối trách di chúc của cha. Vào đêm tối bất giác, qua một ngày một đêm, trong đêm kế tiếp mộng thấy có trăm ngàn người trời vây quanh trời Đại oai đức đến đứng trước sân nhà Di Long. Di Long hỏi: “Vị trời nào đó?”. Vị trời đáp: “Ta là Ô Long cha người, đời trước ngu si không tin kinh Phật, nên bị đọa vào địa ngục lớn, sắt nóng đốt quán thân. Trong một ngày một đêm muôn lần chết đi muôn lần sống lại, cầu chết không được, cầu sống không xong. Có năm trăm lưỡi cày cẩu xé lưỡi thịt ta, chẳng thể nói hết. Hôm qua, ở phía trên địa ngục bỗng nhiên có ánh sáng, trong ánh sáng ấy hiện ra một hóa Phật nói lời kệ tụng rằng:

*Dù cho khắp pháp giới
Các chúng sinh dứt lành
Nếu nghe kinh Pháp Hoa
Chắc chắn thành Bồ-đề.*

Cứ như thế, có đến sáu mươi bốn Đức Phật lần lượt hóa hiện và nói kệ cũng như vậy. Khi đó, nơi địa ngục lửa dữ tắt ngấm, biến thành ao trong mát, ta và các chúng sinh xả bỏ báo thân sinh lên cõi trời thứ tư. Pháp như thế ở trên trời từ cõi thứ nhất đến cõi thứ ba mọi việc hẳn biết. Nhờ người tu tạo đề mục gồm sáu mươi bốn chữ, trong mỗi chữ hóa hiện thân Phật nói kệ cứu khổ, ta và thân người đồng một phần máu thịt nương theo ta, một người có được duyên lành, người tội ở địa ngục nghe kệ tụng mà được lìa khổ, đồng sinh sống một nơi nên nay đến vây quanh. Người nên xả bỏ tà ác xưa, chép kinh Phật để làm gia nghiệp”. Đáp lại nhân duyên ấy mà chẳng thấy. Sau khi thức giấc, Di Long rơi lệ hối hận tội lỗi, đem việc ấy nói đầy đủ với Tư Mã. Người nghe vui mừng đều cho là không có tâm mà tạo đề mà còn được như vậy, hưởng chi hoặc tự chép hoặc bảo người chép, công đức ấy có được thật không có hạn lượng. Gia đình Di Long theo nghiệp ghi chép nối tiếp mãi đến ngày nay. Khắp trong châu mỗi chữ đều lễ cúng, mà mỗi ngày ghi chép hoặc truyền tụng, hoặc thực hành tán vịnh riêng, mỗi ngày, người ghi chép càng đông. (Tân Lục).

7. Diêu Đãi ở Tử Châu, thời Tiên Đường:

Diêu Đãi, người huyện Thê ở Tử Châu. Vào niên hiệu Trường An năm thứ tư (704) thời Tiền Đường, giữa mùa hạ, phát nguyện vì người thân đã qua đời mà chép bốn bộ kinh lớn, kinh Pháp Hoa, kinh Duy-ma mỗi thứ một bộ, kinh Dược Sư mười quyển, kinh Kim Cang Bát-nhã một trăm quyển. Ghi chép các kinh xong, bèn chép kinh Bát-nhã một trăm quyển, một hôm vào giờ ngọ, có một con nai tông cửa công vào đứng trước giường kinh, ngẩng đầu đưa lưỡi liếm bàn kinh xong. Bèn nằm xuống dưới giường kinh. Trong nhà có năm, sáu con chó thấy nai ve vầy đuôi chẳng dám sủa ngay. Diêu Đãi xuống giường kinh ôm chầm được, cũng chẳng kinh sợ, nên trao cho pháp Tam quy, nai liền nhảy quanh đến chân, thả mà chẳng đi. Đến niên hiệu Tiên Thiên (712-713) thời Tiền Đường, các kinh chép đều hoàn tất, đều dùng pho dầy sắp dựng vào hộp, có đứa bé con nhà hàng thịt Lý Hội Hảo không biết cơ sao bỗng nhiên mà đến, đứng ở trước bàn, chỉ kinh mà cười, chấp tay mà đứng như muốn lấy kinh. Đứa bé ấy miệng cắm tai điếc, hai mắt đỏ rực ham thích uống rượu, hung ác, có chút đức ấy nên các kinh ghi chép đều dùng chuỗi anh lạc để trang sức pho trực, chỉ có kinh Bát-nhã dùng đàn tố để trang sức. Chỉ lấy một pho trực trắng, biết rõ người ấy rất có duyên đối với kinh Bát-nhã. Diêu Đãi bèn gói bọc cho giấy trắng, dùng hộp sơn mà đựng. Đứa bé tay cầm dao rạch cùng trên hộp kinh, cười mà bỏ chạy. Khi chạy đi thì không còn thấy trở lại, chẳng biết đến nơi nào. Có người ở gần nhà mộng thấy nai chính là mẹ của Diêu Đãi. Đứa bé ấy là cha Diêu Đãi, khi chết đi, mỗi người đều theo nghiệp mà thọ sinh. Nhờ người con phát nguyện vì cha mẹ mà ghi chép kinh điển Đại thừa, nên quả báo đã định chẳng thể hại. Vả lại, đến nhận sự giáo hóa mà đi.

Đến niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư (716) thời Tiền Đường, có Đạo sĩ Chu Pháp Ấn ở Huyện Tông Quán là người rất thông rành về Trang Lão, đến My châu giảng thuyết qua thời gian lâu mới trở về. Bấy giờ trong làng có hơn hai mươi học sĩ cùng đến lễ hỏi, người bạn Vương Siêu Tào Phủ bảo Thụ Tử giết một con dê rồng ruột, dùng dầy dựng đầy thịt, sau khi đem nấu chín, tâm biết giết hại đó chỉ nhân, tham ăn chẳng dứt, tùy bày biện mà ăn, tính ra ăn chẳng quá bốn, năm miếng, trải qua một ngày đến lúc mặt trời xế bóng, bỗng nhiên đầu nóng bừng đau nhức, các chi tiết có như xé cắt, đến lúc sẩm tối, càng rất khốn đốn, tai nghe phía ngoài cửa như có tiếng kêu Diêu Đãi, trong tâm tuy chẳng muốn ra, nhìn chẳng cảm thấy thân phần, vì ra ngoài hỏi có việc gì, kẻ sứ mặc y phục màu vàng, dáng vẻ như cầm dao. Thứ sử gọi tiện lợi đi.

Phía ngoài cửa Diêu Đãi có khe nước, đang lúc đi cũng chẳng thấy khe nước thấm ướt chỉ thấy đường rộng lớn bằng phẳng, hai bên có hàng cây, mỗi hàng dài ba, bốn dặm, thấy có một thành lớn tên là thành Tử Châu. Thành ấy có nhiều lớp đường đi và lầu các, vách tường sắc trắng trụ sắc đỏ cũng rất xinh đẹp. Lại hỏi kẻ sứ: “Đó chẳng phải thành Tử Châu ư?” kẻ sứ chẳng trả lời, thành đó có năm lớp cửa, hai bên cửa ấy đều có nhà cửa, cửa rất đối xứng, phía trên cửa mỗi cửa đều có đề ngạch, hình dáng tựa như chư Triện, chẳng biết văn tự ấy, số cửa có rất nhiều, đều không có người giữ, các đường thông đường tắt đều cũng không có người. Kẻ sứ vào trong năm lớp cửa, có một sảnh lớn, hiên vũ cao vợi, sảnh sự và cửa đều không có người giữ. Đến sau cửa sổ vắng lặng, lên nhìn trên sảnh thấy có một người mặc y phục màu tím, thân hình hơi béo lớn, dung nghi nhan sắc đoan chánh xinh đẹp. Như thế trở xuống, kẻ sứ đi vào, và đưa Diêu Đãi đến, Diêu Đãi chạy vào xa kính bái, thấy tròng mắt gần tiếng bảo: “Vì sao bị bắt? Sao vào giết người nơi chỗ tĩnh lặng, ăn uống nghỉ dưỡng chẳng biết việc ấy?”. Diêu Đãi đều thấy sự tức giận đó, trong mắt và miệng đều có ánh lửa, nên khiếp sợ kinh hoàng, không biết thưa chỉ vào đâu, bèn phân bày rằng: “Từ trước đến giờ chỉ chuyên trì kinh, chẳng hề giết người cũng chẳng ăn thịt người”. Kẻ sứ hỏi: “Trì kinh gì?”. Diêu Đãi đáp: “Trì các kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Dược Sư, Kim Cang Bát-nhã”. Người mặc y phục màu tím nghe Diêu Đãi nói như thế liền hơn hởi mỉm cười. Diêu Đãi nghe như có tiếng khen “Lành thay!”. Bỗng nhiên bên cạnh có người mặc y phục màu vàng, chẳng thấy được chân người ấy, trong tay cầm một vật dài khoảng hai thước, có tám góc đầy đủ giống như dùi trống, lớn tiếng bảo rằng: “Vì sao ở trong phòng của Đạo sĩ Chu Pháp Ấn mà ăn thịt?”. Diêu Đãi chẳng dám nói, bèn thừa nhận sự thật là có ăn. Người ấy hỏi: “Ăn bao nhiêu?”. Diêu Đãi đáp: “Ăn khoảng năm, sáu miếng”. Người mặc y phục màu tím xoay qua người mặc y phục sắc vàng nói người ấy báo là “Ăn bốn đôi tám thù”. Và liền lấy bút ghi vào đùi. Trong tai Diêu Đãi xa nghe như có tiếng “sự việc chẳng phải bốn tâm”, thả đi đợi Tào Phủ đến nói: “Suy hỏi người mặc áo tím”. Lại bảo: “Điện Phật chùa Đại Vân sớm tu sửa cho xong”. Diêu Đãi liền đáp: “Vâng!” vừa chạy ra khoảng chừng năm, sáu bước, ở đầu phía Tây sảnh có một người mang gông cùm, bốn phía đường đều đình thối, xin hỏi Diêu Đãi. Trên sảnh có người vừa gọi: “Diêu”, Công Tào xoay lại, chẳng gọi được tên “Đãi”. Diêu Đãi nhìn kẻ mang gông cùm ấy chính là đứa bé con nhà giết mổ Lý Hồi Hảo. Người mặc áo tím hỏi rằng: “Người này đọc trì

kinh chép kinh, việc ấy có thật hay không?”. Đứa bé đáp rằng: “Là sự thật”. Tiếng trả lời vừa xong, Diêu Đãi nhìn lại chỉ thấy gông cùm không dưới đất, chẳng thấy đứa bé. Lúc Diêu Đãi mới vào, trước sảnh và cửa không thấy có người coi giữ. Đến lúc được ra, hai bên sảnh mỗi bên đều có mấy ngàn người mặc các thứ sắc phục đỏ tím vàng lục, theo thứ lớp đứng theo mỗi bậc, cũng có lắm người nữ mang gông đội cùm, hoặc có người bị trói ngược, cũng có người trùm lồng trên đầu. Ở trong chúng đó thấy có người gần nhà của Diêu Đãi, ông Trương Khải cũng có trong đó, tuy mang chiếc gông nhỏ mà không có đinh thoi, cúi đầu tỏ vẻ như muốn cho người trong nhà tạo kinh không được nói nhiều. Diêu Đãi lại muốn đi tới trước, bị người ức chế cản ngăn không chấp thuận. Trong đó có một người hông ruột nát bét, phô bày ra ngoài, nói với Diêu Đãi hãy đi gấp, đó chẳng phải chỗ được nói. Diêu Đãi xoay nhìn lại thì ra đó là Trương Hiền, người ở thôn bên cạnh trang sở của Diêu Đãi, đã mắc bệnh nhiều năm, nước sữa chẳng thể đổ vào miệng. Mọi người trong xóm thấy thế đều cho là hẳn sẽ chết, nên bàn bạc với vợ con của Trương Hiền lo chuẩn bị các thứ để đám tang. Sau khi tỉnh lại, Diêu Đãi bảo con của Trương Hiền, chép các kinh Pháp Hoa v.v... chưa tới năm ngày bệnh của Trương Hiền có phần thuyên giảm và được thả ra ở ngoài tường vắng lặng, mỗi cửa đều có người cầm dao trượng cung giáo, nghiêm nhiên bày đầy, ném người vào cửa chẳng thả. Diêu Đãi ra được chỗ sinh tử, từ phía Đông sánh chạy đến kêu rằng: “Con tôi vô sự được thả, vì sao nai chuông chẳng được thả?”. Và khiến Diêu Đãi bày vai trong đó, tức là cổ áo của Tuyên. Bày cánh tay ra trông xem đó, liền được ra. Đến lúc tỉnh lại thật sự thì đã qua một ngày.

8. Lý Khâu Lệnh ở huyện Cao Bưu, Dương Châu:

Lý Khâu Lệnh là em cùng cha khác mẹ với Cao Bưu Huyện Thừa Lý Khâu Nhất ở Dương Châu, gia đình thường phóng thả chim săn chó săn giết hại sinh mạng, nhóm họp dòng họ lấy làm vui thích, chẳng hề biết hổ thẹn. Nhà anh Lý Khâu Nhất lại sửa lời nói, đối với việc ở chốn u minh tâm chẳng tin nhận.

Ngày mười chín tháng giêng niên hiệu Trường An năm thứ hai (702) thời Tiền Đường, ông bị bệnh nặng, Lý Khâu Lệnh bị chết, ở ngực còn ấm, Lý Khâu Lệnh trước kia có y theo người vợ bị bệnh nên phát nguyện tạo một bộ kinh Pháp Hoa, chí nguyện đó chưa được thành tựu, người vợ ấy cũng vì chồng bệnh nặng mà lập tạo kinh, bảy ngày sau, Lý Khâu Lệnh sống lại, nói đầy đủ việc ở chốn u minh rằng: “Lúc đầu, khi

tôi mới chết, có sáu người La-sát-bà đến nói rằng: “Chúng ta là sứ của vua Diêm-la, vì người chứa nhóm tội ác nên phải đuổi bắt, không cho tạm ở”, liền gông cùm tôi và kéo đi hơn mười dặm. Có một người cưỡi ngựa, mặc y phục màu đỏ, tay cầm cung tên, trừng mắt tức giận nhìn tôi và lớn tiếng bảo rằng: “Lý Khâu Lệnh là kẻ rất ác, vì sao chẳng chở đi bằng xe lửa?”. Nói chưa dứt lời, bỗng nhiên thân tôi đã trên xe lửa. Khi ấy, có một vị Sa-môn rưới nước vào xe, thân tôi được thấm mát và dứt khổ, chẳng biết do ai cứu. Lại đi khoảng hơn năm trăm dặm, thấy một tòa thành cao ngất, trong đó có sảnh điện, vua ngồi trên tòa báu, trước sau chung quanh mỗi phía có đến mấy ngàn người mặc đủ thứ sắc phục đỏ tím vàng lục theo thứ lớp mỗi người ngồi ở phía ngoài, trong sân có vô số tội nhân bị gông cùm xiềng xích trói buộc trái ngược v.v... các thứ tạp cư đều ngồi hướng về vua. Vua thấy tôi vào, trừng mắt sân hận hỏi rằng: “Người là kẻ vô Đạo, giết hại sinh mạng, ăn uống trái pháp, không có công đức, há chẳng phải là kẻ vào núi báu mà ra tay không ư?”. Khi đó, tôi xấu hổ im lặng, không đối đáp gì. Vua sai kẻ sứ đem đến một quyển sách dày chừng hơn năm mươi trang liền giở ra mà bảo rằng: “Người có nghe không? Lúc sống người tạo tội ác mỗi việc đều ghi chép trong đây”. Và liền bày ra chỗ tạo tội, mỗi việc đều quở trách, vua mỉm cười bảo: “Người có công đức lớn, vì vợ mà muốn tạo kinh Pháp Hoa, chưa thành tựu tâm nguyện ấy. Sau đó, vợ người cũng vì người mà khởi tâm nguyện tạo kinh. Nay tha cho các tội trước của người, dẫn về lại nhân gian”. Các vị quan mặc các sắc phục đỏ vàng lục tâu với vua rằng: “Người ác khó tha, vì sao lại được thả trở lại?”. Vua bảo: “Người này có nguyện chép kinh, nếu để ở tại trong ngục mà nhớ nghĩ việc xưa, xướng lập lời nguyện thì địa ngục sẽ trống không, các tội nhân đều được sinh lên cõi trời”. Cho nên lúc thả trở về vô số tội nhân ở trong sân nghe luận bàn như thế, bèn xả báo thân sinh lên cõi trời. Tôi mang ân vua được thả là do nguyện chép kinh mà được sống lại”, Lý Khâu Lệnh xả thí tất cả của cải vốn có tạo trăm bộ kinh, tự tay ghi chép văn nguyện và lưu xuất ra nhân duyên ấy.

9. Ni Sư Luyện Hạnh ở Hà Đông, thời Tiên Đường:

Ở Hà Đông, có Ni Sư Luyện Hạnh thường trì tụng kinh Pháp Hoa, tìm người tài giỏi ghi chép trả thù lao gấp bội, đặt làm một tịnh thất, bảo chép kinh ấy, mỗi lúc bắt đầu công việc thì trước hết phải tắm gội, đốt hương xông ướp y phục. Và trong tịnh thất chép kinh có khoét vách tường thông ra ngoài, gắn vào ống trúc, để người chép kinh mỗi lúc

muốn thở hơi ra thì ngậm vào ông trúc mà nhả hơi ra ngoài vách tường, chép bảy quyển kinh Pháp Hoa, phải trải qua tám năm mới hoàn tất, cúng dường rất ân trọng, dốc hết tâm chí kính. Ở Long môn có Sa-môn Pháp Đao thường nhóm họp đại chúng giảng kinh Pháp Hoa, vì ưa thích bản kinh của Ni Sư ấy nên tinh thành quyết định sai người cầu thỉnh. Ni Sư cố từ chối không chấp thuận. Pháp Đao quở trách, vì chẳng đáng dừng nên Ni Sư bèn tự mình đưa đến dâng cho Pháp Đao v.v... mọi người mở ra đọc, chỉ thấy giấy vàng hoàn toàn không có văn tự, lại mở các quyển khác, cũng lại như thế Pháp Đao v.v... hổ thẹn kinh sợ, bèn đưa trở lại cho Ni Sư. Ni Sư buồn khóc mà nhận lấy, dùng nước thơm mà rửa hộp, và tắm gội thân mình, đội kinh trên đầu đi nhiều quanh tượng Phật hành Đạo, suốt bảy ngày chẳng tạm ngưng nghỉ. Thế rồi mở kinh ra xem, văn tự như cũ. Về sau, tìm hỏi tên tự của Ni Sư ấy, có người nói Ni Sư tự là “Luyện Diệu”, sau lại đổi tên là “Cảm Diệu” (Trong “Pháp Uyển” quyển 27 nói: Rút từ Minh Báo Ký Ni Pháp Tín).

10. Nghiêm Cung ở Dương châu:

Nghiêm Cung ở Dương châu, vốn là người Tuyên châu, gia đình rất giàu của cải mà không có anh em, cha mẹ rất quý mến muốn gì được nấy.

Khoảng đầu niên hiệu Thái Kiến (569) đời Trần, Nghiêm Cung khoảng hai mươi tuổi xin cha mẹ năm mươi ngàn đồng, để sang chợ Dương châu, cha mẹ bèn cho. Nghiêm Cung mang tiền lên thuyền xuôi dòng, cách Dương châu khoảng mấy mươi dặm, đang trên sông, gặp một thuyền chở rùa đến chợ để bán. Nghiêm Cung hỏi, biết được nguyên do và nghĩ là rùa sẽ bị chết, do đó Nghiêm Cung xin được mua chuộc số rùa đó. Người chủ rùa nói: “Rùa của tôi riêng mỗi con phải một ngàn đồng tiền mới bán”. Nghiêm Cung hỏi: “Có tất cả bao nhiêu con?” Người chủ rùa đáp: “Có năm mươi con”. Nghiêm Cung nói: “Tôi đang có năm mươi ngàn tiền, xin mua”. Người chủ vui vẻ nhận tiền và trao rùa rồi đi. Nghiêm Cung đem hết số rùa đó thả xuống sông, và chỉ để thuyền không mà đến Dương châu. Người chủ rùa ấy già biệt Nghiêm Cung đi được hơn mười dặm thuyền bị chìm mà chết. Khi đó, cha mẹ của Nghiêm Cung đang ở tại nhà, lúc trời sẩm tối có năm mươi người khách mặc áo quạ đến nhà xin nghỉ qua đêm và đưa năm mươi ngàn đồng cho cha Nghiêm Cung mà nói rằng: “Con của ông đang ở Dương châu gửi số tiền này mang về, xin ông nhận số tiền”. Cha của Nghiêm Cung lấy làm lạ, nghi là Nghiêm Cung bị chết nên xét hỏi. Các người

khách đáp: “Con ông bình an không sao cả, chỉ vì không cần dùng tiền nên gửi cho chúng tôi mang về”. Cha của Nghiêm Cung nhận tiền và ghi nhận đó là số tiền cũ, đều bị nước thấm ướt. Ông bày thức ăn giữ khách ở lại. Sáng sớm hôm sau, các người khách từ giã ra đi. Hơn một tháng sau, Nghiêm Cung trở về, cha mẹ rất vui mừng, thế rồi hỏi lý do gửi tiền về. Nghiêm Cung nói: “Không có việc ấy”. Cha mẹ của Nghiêm Cung tả lại hình dáng những người khách và ngày tháng mang tiền gửi về. Đúng là ngày Nghiêm Cung đã mua rùa, mới biết năm mươi người khách ấy là rùa mà Nghiêm Cung đã mua chuộc, cha con Nghiêm Cung mới kinh sợ khen ngợi, do đó sang Dương châu lập tinh xá, chuyên chép kinh Pháp Hoa, sau đó dời nhà đến ở Dương châu và trở nên giàu có, mở mang các phòng làm nhà chép kinh, trang nghiêm thanh tịnh, cung cấp rất sung túc phong hậu, thư sinh thường có đến mấy mươi người, các Đạo tục ở Dương châu đều cùng nhau tôn kính, gọi đó là “Làng Nghiêm Pháp Hoa”.

Có người quen đến mượn mười ngàn tiền để chép kinh, Nghiêm Cung bắt đắc dĩ phải cho, người mượn nhận lấy tiền dùng thuyền để chở đi, giữa đường thuyền bị chìm, cả mười ngàn tiền đều thấm ướt, như mới lên khỏi nước, Nghiêm Cung rất lấy làm lạ. Sau thấy tiền vay mượn trước kia mới biết tiền thấm ướt là vì người vay. Lại có thương nhân đến hồ Cung đình chỗ tế Thần, dùng các thứ rượu thịt và thượng vật mà dâng cúng. Đêm đó, thương nhân mộng thấy vị Thần đưa các vật trả lại và nói rằng: “Tôi nhờ ông vì tôi mang các vật này dâng cúng kinh Pháp Hoa dùng vào việc chép kinh”. Và các vật đã dâng cúng thần đều ở trước mặt mình. Khi đó, thương nhân ấy khen lạ, mang đến chỗ Nghiêm Cung và cúng thí nông hậu gấp bội. Sau đó, Nghiêm Cung vào chợ mua giấy để viết kinh, gặp lúc thiếu tiền, bỗng thấy có một người mang ba ngàn tiền đến trao cho Nghiêm Cung, nói: “Xin giúp ông tiền mua giấy!”. Nói rồi liền biến mất mà tiền nằm ở trước mặt Nghiêm Cung. Các điều lạ như thế xảy ra chẳng phải chỉ một lần.

Đến khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Nghiêm Cung qua đời. Có người ở gần mộng thấy Nghiêm Cung sau khi chết sinh lên cõi trời thanh tịnh, trong mộng hỏi: “Cõi trời thanh tịnh nào?”. Nghiêm Cung đáp: “Ở tại nội viện của cõi trời Đâu-suất, không có các thứ tạp uế”. Sau khi Nghiêm Cung qua đời, con cháu vẫn giữ gìn hạnh nghiệp biên chép kinh ấy. Đến cuối đời Tùy (...618), giặc cướp lộng hành đến Giang Đô, đều răn dè với nhau là “Chớ vào làng Nghiêm Pháp Hoa”. Người trong làng nhờ đó được sinh sống an vui. Mãi đến

nay, công việc chép kinh vẫn không ngưng nghỉ, khắp châu áp đều thấy, người ở kinh đô nói là cũng có nhiều người biết, nhờ Mã Tông Công Tiêu chỗ rất xét kỹ tốt lành. (Người ghi (= Tăng Tường) có lời rằng: Truyện của Nghiêm Cung ở Tương châu và tuyện của Nghiêm Cung ở Dương châu đây có nhiều chi tiết giống nhau. Truyện kia rút từ Cẩm Thông Lục v.v... truyện này từ Minh Báo ký v.v... y cứ có sự rộng lược khác nhau, trước sau đều nêu bày ra đó, xin tìm xem đây đủ đầu đuôi đều như vậy).

11. Kẻ nam bất tín:

Ở huyện Ngu thuộc Bồ châu có một gã nam tử, mất họ tên, phụng thờ thần Đạo, chẳng tin Phật pháp. Nếu thấy tượng Phật và chư Tăng thì rửa mắt, nghe tiếng giảng pháp và tụng kinh thì rửa tai, được các vị Thiện tri thức khuyên hóa dẫn dụ thì chẳng tin theo. Có lúc vì việc quan trọng riêng tư, đến chỗ Sa-môn Đạo Như chùa Nhân Thọ, đứng ở ngoài cửa mà nói lớn rằng: “Nếu có cần dùng việc riêng, xin cho mượn ba ngàn tiền”. Ngài Đạo Như bảo: “Tiền ở trong kho của chùa, không gì đáng tiếc, chỉ vì tôi theo sự thỉnh mời của Đàn-việt thí chủ tạo kinh Pháp Hoa, đến cuối hàng đầu phẩm phương tiện còn một chữ chưa viết mà nghiên mực nước đã khô cạn, ông hãy lấy giúp nước để viết hoàn tất”. Sắp muốn đứng dậy, gã nam tử ấy suy nghĩ: “Ta vốn chẳng thấy Tam bảo nay y theo không sao, lại đến chỗ này, nếu lấy nghiên nước há chẳng phải không tốt, còn nếu chẳng lấy thì trái với yếu khế”. Nghĩ đoạn rồi lấy nước cho đó mà đi. Ngài Đạo Như chép xong hàng đó. Sau đó, gã nam tử trở lại tìm không thấy, bèn vội chạy đến nơi dòng sông, bất chợt vấp té chết ngất, giây lâu, tỉnh lại rơi lệ than khóc ăn năn lỗi lầm, đi đến chùa nói với ngài Đạo Như rằng: “Khi tôi muốn tuyện vào cửa chết, có hai người kéo đến chỗ cung vua Diêm-la, vừa mới thấy tôi, vua tỏ vẻ giận dữ quát bảo: “Ông dùng tà kiến mà trang nghiêm thân mình, quả báo đáng vào địa ngục A-tỳ”. Khi ấy giữa hư không bỗng nhiên có ánh sáng lạ soi chiếu trên đỉnh đầu tôi, vua nghiệm xét đầu đuôi mới biết đó là chữ cuối cùng của hàng đầu trong phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa. Vì tôi dùng nước để chép nên văn tự ấy hóa hiện ra thân Phật đến cứu giúp hỏi: “Ánh sáng ấy là ai?”. Đáp: “Ta là văn tự trong phẩm Phương Tiện. Văn tự của kinh Pháp Hoa mỗi chữ đều là Phật. Gã nam tử này quy hướng ta nên ta đến cứu”. Khi đó, vua Diêm-la vui vẻ bảo: “Đều tốt lành thay, văn tự kinh Pháp Hoa biến hóa thân phát ra ánh sáng còn cứu kẻ chẳng kính tin, hướng chi là đối

với người có tâm kính tin”. Và liền chỉ bày cho đường trở về, nên được sống lại”. Gã nam tử ấy bèn bỏ nhà xuất gia, phát tâm chép mười sáu bộ kinh, vân du tham lễ khắp các danh sơn, không biết về sau như thế nào.

12. Vị khách Tăng ở đời Tùy:

Vào niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, có vị khách Tăng đến miếu Thái Sơn, xin nghỉ lại qua đêm. Người giữ miếu nói rằng: “Ở đây không có phòng riêng, chỉ có dưới chái miếu thần là nơi có thể nghỉ được, nhưng từ trước đến nay những người dừng nghỉ qua đêm tại đây đều chết cả”. Vị khách Tăng ấy bảo: “Không sao”. Người giữ miếu bất đắc dĩ phải chấp thuận, nên sắp đặt chỗ nghỉ ở dưới chái miếu. Vị khách Tăng ấy trong đêm đang ngồi thẳng tụng kinh, đến canh một, nghe trong phòng có tiếng khoen vòng, chỉ chốc lát, vị Thần xuất hiện lễ bái vị khách Tăng ấy. Vị khách Tăng ấy bảo: “Nghe nói những người nghỉ lại qua đêm ở đây phần nhiều đều chết, há Đàn-việt hai họ ư? Xin hãy che chở.” Thần nói: “Những người ấy phần nhiều là số chết đã sắp đến, do nghe tiếng cửa đệ tử, nên tự khiếp sợ mà chết, chẳng phải đệ tử giết hại họ. Xin Đại sư chớ lo ngại”. Vị khách, Tăng do đó ngồi xích lại gần, nói bàn chững khoảng bữa ăn. Lát sau, vị khách Tăng ấy hỏi rằng: “Người ở thế gian có truyền thuyết nói là ở núi Thái có quỷ sống, việc ấy có thật hay không?”. Thần nói: “Đệ tử phước mỏng, thật có việc đó, Đại sư muốn được thấy tiên vong chẳng?”. Vị khách Tăng bảo: “Tôi có một người bạn đồng học đã qua đời trước, nay muốn được thấy họ”. Thần hỏi: Tên họ hai người ấy là gì?”. Vị khách Tăng ấy trả lời đầy đủ tên họ. Thần nói: “Một người đã sinh trong nhân gian, còn một người mắc tội nặng đang đọa trong địa ngục không thể gọi đến. Xin Đại sư đến để gặp người ấy”. Vị khách Tăng ấy rất vui mừng do đó cùng đứng dậy đi ra cửa, không xa bao nhiêu mà đến một một có nhiều miếu ngục, lửa dữ thiêu đốt bừng cháy rất mạnh. Thần dẫn vị khách Tăng ấy vào trong một viện, xa thấy một người đang ở trong lửa kêu gào không thể nói, hình dáng thay đổi chẳng còn nhận biết mà máu thịt bị cháy hôi thối, khiến người phải thương tâm, Thần nói: “Chính là người đó, Đại sư không muốn đi xem khắp ư?” Vị khách Tăng ấy buồn thương muốn trở ra. Chỉ khoảnh khắc muốn trở lại miếu. Lại cùng ngồi với thần, vị khách Tăng do đó hỏi: “Tôi muốn cứu bạn đồng học có cách gì chẳng?”. Thần nói: “Có”, nên chép kinh Pháp Hoa thì sẽ được thoát khỏi”. Thế rồi, trời sắp sáng, Thần từ giả vị khách Tăng ấy mà vào trong nhà. Đến lúc

sáng sớm, người giữ miếu đến xem, thấy vị khách Tăng ấy không chết lấy làm lạ. Vị khách Tăng ấy do đó nói cho biết, liền chép một bộ kinh Pháp Hoa. Khi kinh đã chép xong, trang hoàng đã xong, vị khách Tăng ấy lại mang kinh đến miếu đó mà nghỉ qua đêm, đêm đó thần lại ra như trước, vui mừng lễ bái, hỏi thăm vị khách Tăng ấy đến để làm gì? Vị khách Tăng ấy nói việc đó cho Thần nghe. Thần nói: “Đệ tử biết rồi, khi Đại sư chép kinh vừa mới viết đề mục, người ấy đã được thoát khỏi, nay lại sinh lên chẳng còn ở nhân gian. Và ở xứ này là nơi không được trong sạch, không nên tôn trí kinh ở đây. Xin Đại sư đưa kinh trở về lại chùa”. Nói xong giây lâu, trời sắp sáng, Thần lại giả từ mà đi vào, vị khách Tăng ấy đưa kinh trở về chùa (xuất xứ từ Pháp Uyển quyển 18).

13. Vị Tăng trụ tại Đạo tràng Hà Tây ở Cô Sơn:

Ở Ráng châu, Cô Sơn Tây Hà có xây dựng điện đường có nhiều cây rừng, chỗ hình thế rất tốt đẹp.

Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời Tiền Đường, có hai vị Sa-môn đồng ở chung phòng, một vị tên là Tăng Hạnh hành trì Tam giai Phật pháp, một vị tên là Tăng Pháp hành trì Pháp Hoa Tam-muội, hai vị cùng kết ước nếu ai qua đời trước thì phải về mách bảo cho biết chỗ thác sinh như hai anh em ngài Vô Trước và Thế Thân xưa kia. Sau đó, ngài Tăng Hạnh tịch trước, tuy nghĩ nhớ suốt ba năm mà không thể trở về mách bảo chỗ thác sinh, ở phòng ấy có pho tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, nếu ai bỏ ăn phát thệ cầu nguyện thì sẽ có cảm ứng, nên ngài Tăng Pháp bỏ ăn suốt năm ngày ở trong phòng ấy chẳng bước ra khỏi cửa. Đến đêm ngày thứ năm, mộng thấy một vị Sa-môn đến nói với ngài Tăng Pháp rằng: “Sư hãy nắm góc áo ta thì sẽ thấy được chỗ thác sinh của Sa-môn Tăng Hạnh”. Ngài Tăng Pháp liền nắm lấy góc áo, chỉ chốc lát thì đến địa ngục, lửa dữ thiêu đốt bùng bùng chẳng thể đến gần, có bảy lớp lưới sắt vây phủ phía trên, các cánh cửa sắt đóng kín cả bốn mặt rất bền chắc, có trăm ngàn vị Sa-môn, những người hủ phạm tịnh giới chẳng điều phục thân tâm hiện ở trong đó chịu khổ. Vị Sa-môn ấy hỏi quỷ La-sát canh giữ rằng: “Trong đây có Sa-môn Tăng Hạnh hay chăng?”. Quỷ La-sát đáp: “Có”. Vị Sa-môn ấy lại nói: “Tôi muốn được gặp”. Quỷ La-sát bảo: “Không thể gặp được”. Vị Sa-môn ấy nói với quỷ La-sát rằng: “Xưa kia đồng tu hành, nghĩ nhớ nên đến tìm thăm, chúng tôi là Phật tử vì sao người cố tiếc như thế?”. Quỷ La-sát nói: “Nếu muốn thấy thì tùy ý liền được thấy”. Khi ấy, Quỷ La-sát dùng mũi nhọn khều trong than đen đang cháy chỉ mà bảo: “Đó là ông

Tăng Hạnh”. Ngài Tăng Pháp thấy than cháy đen mà rơi lệ khóc bảo: “Sa-môn Thích tử vì sao phải chịu khổ nặng thế này, tôi muốn thấy hình dáng khi xưa”. Khi đó, Quỷ La-sát gọi sống lại rõ ràng như thuở bình sinh chỉ có hình thể bị đốt cháy. Sa-môn Tăng Hạnh nói với Sư rằng: “Xưa, tôi cống cao buông lung tự phạm, ông hãy cứu khổ giúp tôi”. Sư hỏi: “Phải làm thế nào để cứu khổ?”. Sa-môn Tăng Hạnh đáp: “Nên tạo kinh Pháp Hoa”. Sư hỏi: “Nên tạo như thế nào?” Sa-môn Tăng Hạnh bảo: “Nội trong một ngày hãy hoàn tất việc ấy”. Sư nói: “Bần Đạo làm sao có thể nội trong một ngày hoàn tất việc ấy được”. Sa-môn Tăng Hạnh nói: “Tôi khổ không thể chịu nổi, chỉ chừng sát-na cũng khó thoát qua. Nếu chẳng nhanh chóng trong một ngày, làm sao được dứt khổ”. Khi ấy Quỷ La-sát lại tức giận quát mắng, dùng mũi nhọn mà đâm người đó đưa vào trong ngục. Sư lại theo vị Sa-môn ấy trở ra. Đến lúc tỉnh mộng, ngay ngày hôm đó, Sư xả thí tất cả y bát mọi vật, thuê bốn mươi thư sinh trong một ngày chép kinh Pháp Hoa, cúng dường lễ bái. Đêm đó, Sư lại mộng thấy vị Sa-môn ấy đến mách báo là Sa-môn Tăng Hạnh đã sớm lìa cảnh khổ địa ngục, gần sinh lên cõi trời thứ hai, Thanh tự tay ghi chép việc trông thấy.

14. Người làm quan thời Bắc Tề:

Vào thời Bắc Tề có một người làm quan, gia đình vốn giàu có. Đến lúc sắp chết căn dặn vợ con rằng: “Ta bình thường rất quý mến kẻ tôi tớ và ngựa, đều là kẻ dùng để sai hầu và nương cưỡi lâu năm rất là vừa ý. Sau khi ta chết, hãy giết họ, nếu không làm như thế thì ta không có người để sai sử và vật để nương cưỡi!”. Đến lúc qua đời, người nhà dùng dây đưng đầy đất nén ép kẻ tôi tớ mà giết họ, còn ngựa thì chưa giết. Kẻ tôi tớ chết bốn ngày sau sống lại nói rằng: “Đang lúc bất giác, bỗng nhiên đi đến cửa quan phủ, người giữ cửa nhân đó giữ tại cửa qua một đêm. Đến sáng sớm thấy ông chủ đã qua đời bị gông cùm, lính nghiêm trang canh giữ dẫn vào chỗ quan. Vừa thấy tôi liền bảo rằng: “Ta cho rằng để sau khi chết có được kẻ tôi tớ để sai sử nên để lại lời kêu gọi người, nhưng nay thì mỗi người tự nhận chịu, chẳng hề liên quan gì. Nay ta sẽ tấu với quan để thả người”. Nói xong bèn đi vào. Tôi đứng ở chỗ vắng lặng ngoài cửa nhìn thấy quan hỏi người canh giữ rằng: “Ngày hôm qua ép lấy mỡ được nhiều ít?”. Đáp rằng: “Được tám thăng”. Quan bảo: “Trở đi lại ép lấy một học sáu thăng”. Ông chủ liền bị dẫn ra, chẳng hề nói được. Đến sáng sớm hôm sau lại trở vào lại, ông tỏ vẻ vui mừng nói với tôi rằng: “Nay ta sẽ vì người mà tấu trình”. Khi

vào, quan hỏi: “Có mở chẳng?”. Đáp rằng: “Không có”. Quan hỏi: “Vì sao?”. Chủ ty nói: “Người này vừa chết ba ngày, mà người nhà thỉnh chư Tăng, thiết trai cúng dường, nên mỗi lúc nghe tiếng tán tụng kinh thì xà sắt liền gãy, nên không ép được”. Quan bảo: “Thả cho đi”. Chủ ty do đó tấu trình quan xin thả tội. Quan liền kêu: “Thả đều ra ngoài cửa”. Ông chủ sai tôi mang lời về nói với vợ con rằng: “Nhờ các người tu tạo phước, nên được miễn tội lớn nhưng vẫn chưa thoát khỏi. Có thể lại vì chép kinh Pháp Hoa, tu tạo tôn tượng để cùng cứu giúp, mong nhờ nhân ấy mà được thoát khỏi, từ nay không nên lập bày cúng tế, vì như thế chỉ thêm tội tôi thôi”. Nói xong bèn từ biệt. Kẻ tở được sống lại và nói lời đó, mọi người trong nhà ngay trong ngày đó lập trai hội, từ đó tu tạo phước, cả nhà đều luyện hạnh.

15. Thích Tu Đức ở Định Châu:

Vào thời Tiền Đường, trong núi ở Định Châu, có Thiền sư Thích Tu Đức, không biết họ gì, chuyên khổ tiết thành tánh, kính giữ Đạo ở chốn núi rừng, y theo kinh Hoa Nghiêm và luận Khởi tín mà an tâm kết nghiệp, suy niệm tu Thiền. Đến niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ tư (653) thời Tiền Đường, quy hướng chí thành với Giáo nghĩa phương quảng. Do đó, phát đại Đạo tâm, rất mực siêng năng ghi chép, nên ở tịnh viện trồng các thứ cây, trải qua ba năm, lấy các thứ hoa thuốc, dùng nước thơm mà gội rửa, làm giấy sạch. Sau đó xây dựng tịnh đài riêng, ở trên đó lại tạo phòng thất, mời Vương Cung là người tài giỏi về viết chữ trong viện riêng ở Ngụy Châu thọ trì trai giới, tắm gội mặc y phục mới sạch, đốt hương rải hoa, treo các thứ phướn lọng, lễ bái sám hối rồi mới lên tòa. Hễ chấm bút thì hợp hương, dặt bút thì nhả hơi, mỗi ngày thường như thế, siêng năng không biếng trễ. Thiền sư đích thân tự vào tịnh thất liên tưởng, đốt hương giữa khoảng bút mực đều chuyên tâm tự nhân tu như vậy mãi suốt đầu cuối. Khi chép xong một quyển, cúng thí mười xấp lụa nhũn, đến lúc chép xong trọn bộ, thì cúng thí tất cả hơn sáu trăm xấp. Vương Cung do đó phát tâm đều chẳng nhận lấy thù lao chí thành dốc cả tâm lực giúp sức. Chép kinh mới xong, không bao lâu thì qua đời, vì kinh chép đã thành, Sư thiết trai cúng dường chúc mừng, nhóm họp đại chúng đồng tâm thanh tịnh ít có, lễ bái Thiền sư. Bèn ở trước chúng, Sư đốt hương rải hoa, phát thệ nguyện rộng lớn. Vừa mở tạng kinh, thì phát ra ánh sáng rực rỡ, khắp hơn bảy mươi dặm soi chiếu thành Định châu. Trong thành có các nam nữ đều thấy. Đại chúng trong trai hội trên núi đã thấy điều ít có đặc biệt được sự chưa từng có, bèn

buồn khóc sấm hối. Thiên sư lại khắc đá chép các kinh Niết-bàn, Pháp Hoa mỗi thứ một bộ. Mới đầu dờ vào khám đá, chép kinh Niết-bàn, Pháp Hoa đều phát ra ánh sáng soi chiếu khắp hơn mười dặm, cả chúng đều trông thấy, cảm ngộ không ngần mé. Đã có cảm ứng, lợi ích đâu có gì đáng nghi.

16. Vua Thái tổ Cao Đế đời Nam Tề:

Vua Thái tổ Cao Đế (Tiêu Thành Đạo 479-483) thời Nam Tề rất kính trọng Phật pháp nên lập hai ngôi chùa Trắc Dĩ và Chỉ Quán. Ngày mồng 08 tháng 04, vua cho đúc pho tượng bằng vàng. Ngày 15 tháng 07 ở khắp các chùa đều thiết lễ Vu-lan, cúng dường ba trăm vị Tăng. Vua tự dùng hương thắp hòa với mực, tự tay chép tám bộ kinh Pháp Hoa, và hai bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ vàng, đều dùng năm thứ hương làm hộp đựng bốn vật báu. Vào giữa đêm vắng lặng giây phút tốt lành thanh trai hành Đạo thường phát ra ánh sáng màu vàng rờn soi chiếu khắp trong điện. Chư hầu đều trông thấy, càng phát tâm gấp bội, cùng bàn với nhau rằng: “Chúng ta nhóm kết hai mươi tám người, mỗi người chép một phẩm, trang nghiêm rực rỡ”. Ngày 15 tháng 07 đến chùa chỉ Quán cúng dường lễ bái. “Tức y như cùng bàn lận, đang ngày cúng dường, trời mưa hoa nhỏ nhiệm như vân mẫu rơi xuống, có chất lưu ly làm trực phát ra ánh sáng, soi chiếu khắp hơn một dặm, đại chúng đều hoan hỷ. Trong đó có Tiến Sĩ Đặc bảy mươi tám tuổi chóng bị chết ngất, giây lâu tỉnh lại ngồi vui mừng mà rơi lệ: “Tôi như nằm mộng thấy tự thân mình chung quanh có mọc lông cánh, bay đến cõi trời tức trước cung Đâu-suất, vào trong nội viện, Bồ-tát Di-lặc bảo rằng: “Cao Đế (Tiêu Đạo Thành) và chư hầu đều đến chỗ ta, đó là do năng lực của kinh Pháp Hoa. Ông trở lại nhân gian nên nói việc này”. Tức Đặc bay xuống thấy lông cánh đó là năng lực của một phẩm kinh Pháp Hoa. Các ông chớ nên biếng lười”. Vua quan càng phát tín tâm.

17. Thiện tín nữ ở Tịnh Châu:

Ở Tịnh Châu có một Thiện tín nữ họ Sở, tu niệm hạnh nghiệp Tây phương. Tại châu này, các nam nữ mới bảy tuổi đều hiểu Niệm Phật Tam-muội. Vị Thiện tín nữ ấy rất sinh tâm nhằm chán muốn xa lìa, phát nguyện chép một bộ kinh Pháp Hoa, hồi hương nguyện sinh về Tây phương, mộng thấy Thánh chúng ở Tây phương đến báo rằng: “Người hành trì niệm Phật Tam-muội, tạo kinh Pháp Hoa nên đến nói cho biết từ nay về sau, hai mươi lăm năm nữa mới đến đón rước”. Nói xong bèn đi, người Thiện tín nữ ấy càng phát tín tâm, tự chép kinh Pháp Hoa,

xưng niệ̃m danh hiệu Đức Phật A-di-đà. Đến năm bảy mươi sáu tuổi mới qua đời, nghe có tiếng âm nhạc réo rất giữa hư không, mùi thơm lạ tỏa khắp phòng và có lẩm điềm kỳ lạ khác nữa.

18. Thích Tuệ Thiều trụ chùa Thân Định ở Tương Châu:

Thích Tuệ Thiều, họ Trang, xuất gia từ thuở thiếu thời, chuyên dùng pháp Tiểu thừa làm hạnh nghiệp chánh, nổi tiếng khắp vùng Giang Hán. Nhân Tượng Vương Triết Công khai giảng Tam luận, tâm sinh bất nhẫn, Tuệ Thiều nói rằng: “Tam luận nói về không, mà người giảng lại chấp trước không? Nói xong, lưỡi dài ra ba thước, mũi mắt hai tai đều rỉ máu, suốt bảy ngày không nói năng gì được. Có Luật sư Thái thấy thế bảo rằng: “Người là kẻ rất ngu si, một lời phỉ báng kinh giáo, hơn năm tội nghịch, phải tin theo Đại thừa, mới được thoát khỏi”. Thái mới bảo sám hối, lưỡi Tuệ Thiều rút vào trở lại, bèn khiêng đến chỗ Triết Công, Tuệ Thiều phát nguyện chỉ nghe giáo pháp Đại thừa. Về sau sư thường giảng nói kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm để tỏ bày sự sám hối. Sư từng ở nơi rừng thông ngõi thiên, thấy có ba người, thân mặc y phục nho nhã đến xin thọ giới Bồ-tát. Thọ giới xong bèn thưa rằng: “Thiên sư là người lợi căn, nếu chẳng sửa đổi tâm tin theo Đại thừa thì qua thời gian ngàn Đức Phật ra đời, vẫn còn đọa trong chốn địa ngục”. Nghe nói như thế, Tuệ Thiều cảm động rơi nước mắt và trở về chùa, đến trước phòng của Triết Công nghẹn ngào thốt chẳng nên lời. Lại cùng khuyên hóa các tục sĩ tạo các kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích v.v... mỗi thứ trăm bộ. Đến lúc thị tịch cảm ứng cây rừng biến thành màu trắng. Có thể nói Sư là người có lỗi nhưng khéo biết sửa đổi.

